

Số: 16 /2018/QĐ-UBND

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 24 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, ấp, khu phố, khu dân cư,
tổ dân cư trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn ngày 20 tháng 4 năm 2007;

Căn cứ Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ - Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BNV ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 201 /TTr-SNV ngày 07 tháng 5 năm 2018 về việc phê duyệt Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, ấp, khu phố, khu dân cư, tổ dân cư trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, ấp, khu phố, khu dân cư, tổ dân cư trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 6 năm 2018 và thay thế Quyết định số 08/2009/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ (Vụ CQĐP, Vụ Pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- TTr. Tỉnh ủy; TTr. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các phó CT.UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQ và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Sở Tư pháp (KTVB);
- Đài PTTH tỉnh;
- Báo Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, SNV⁽⁵⁾.

N C 4

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Trình

QUY CHẾ

**Tổ chức và hoạt động của thôn, ấp, khu phố, khu dân cư, tổ dân cư
trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 16 /2018/QĐ-UBND

ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của thôn, ấp, khu phố, khu dân cư, tổ dân cư trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Điều 2. Thôn, ấp, khu phố, khu dân cư, tổ dân cư

1. Thôn, ấp (sau đây gọi chung là thôn) được tổ chức ở xã; dưới xã là thôn, ấp.

2. Khu phố được tổ chức ở phường, thị trấn; dưới phường, thị trấn là khu phố.

3. Đối với huyện Côn Đảo không có đơn vị hành chính cấp xã; dưới huyện là khu dân cư.

4. Tổ dân cư được tổ chức ở thôn, khu phố, khu dân cư; dưới thôn, khu phố, khu dân cư là tổ dân cư.

5. Thôn, khu phố, khu dân cư không phải là một cấp hành chính mà là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú trong một khu vực ở một xã, phường, thị trấn (xã, phường, thị trấn sau đây gọi chung là cấp xã); nơi thực hiện dân chủ trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự quản, tổ chức nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ cấp trên giao.

6. Tổ dân cư là tổ chức tự quản của nhân dân cùng trên địa bàn của một thôn, khu phố, khu dân cư; có tính chất cầu nối giữa thôn, khu phố, khu dân cư và hộ gia đình, có nhiệm vụ tham gia tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công dân tại cộng đồng dân cư.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thôn, khu phố, khu dân cư, tổ dân cư

1. Thôn, khu phố chịu sự quản lý nhà nước trực tiếp của chính quyền cấp xã và sự lãnh đạo của Chi bộ tại cộng đồng dân cư. Hoạt động của thôn, khu phố phải tuân thủ pháp luật, dân chủ, công khai, minh bạch; bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo

của cấp ủy đảng, chính quyền cấp xã và sự hướng dẫn, triển khai công tác của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã.

Riêng đối với các khu dân cư ở huyện Côn Đảo chịu sự quản lý trực tiếp của Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo và sự lãnh đạo của Chi bộ tại cộng đồng khu dân cư. Hoạt động của khu dân cư phải tuân thủ pháp luật, dân chủ, công khai, minh bạch; bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền và sự hướng dẫn, triển khai công tác của Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở huyện.

2. Không chia tách các thôn, khu phố, khu dân cư, tổ dân cư đang hoạt động ổn định để thành lập thôn mới, khu phố mới, khu dân cư mới, tổ dân cư mới.

3. Khuyến khích việc sáp nhập thôn, khu phố, khu dân cư, tổ dân cư để nhằm tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền cấp xã và cơ quan có thẩm quyền; nâng cao hiệu quả đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của thôn, khu phố, khu dân cư, tổ dân cư.

4. Các thôn, khu phố, khu dân cư, tổ dân cư nằm trong quy hoạch giải phóng mặt bằng, quy hoạch dân dân, tái định cư hoặc điều chỉnh địa giới hành chính được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc do việc di dân đã hình thành các cụm dân cư mới ở vùng hải đảo, vùng sâu, vùng xa, nơi có địa hình chia cắt, địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn, đòi hỏi phải thành lập thôn, khu phố, khu dân cư, tổ dân cư thì điều kiện thành lập thôn, khu phố, khu dân cư, tổ dân cư có thể thấp hơn quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 24 Quy chế này.

5. Trường hợp không thành lập thôn, khu phố, khu dân cư, tổ dân cư theo quy định tại khoản 4 Điều này thì ghép các cụm dân cư hình thành mới vào thôn, khu phố, khu dân cư, tổ dân cư hiện có cho phù hợp, bảo đảm thuận lợi trong công tác quản lý của chính quyền cấp xã, cơ quan có thẩm quyền và các hoạt động của thôn, khu phố, khu dân cư, tổ dân cư.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN, KHU PHỐ, KHU DÂN CƯ

Điều 4. Tổ chức của thôn, khu phố, khu dân cư

1. Mỗi thôn có Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn; mỗi khu phố có Trưởng khu phố, Phó Trưởng khu phố; mỗi khu dân cư có Trưởng khu dân cư, Phó Trưởng khu dân cư.

2. Thôn, khu phố, khu dân cư có các tổ dân cư.

Điều 5. Nội dung hoạt động của thôn, khu phố, khu dân cư

1. Cộng đồng dân cư ở thôn, khu phố, khu dân cư bàn và biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định những nội dung theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở; bàn và quyết định trực tiếp về chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng trong phạm vi cấp xã, thôn, khu phố, khu dân cư do nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí và các công việc tự quản trong nội bộ cộng đồng dân cư phù hợp với quy định của pháp luật; tham gia bàn và quyết định các công việc của thôn, khu phố, khu dân cư

và của cấp xã theo quy định của pháp luật; chấp hành và thực hiện các quyết định đã có giá trị thi hành.

Tham gia xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của thôn, khu phố, khu dân cư nhằm bảo đảm toàn dân đoàn kết, dân chủ, công khai, minh bạch trong các hoạt động của thôn, khu phố, khu dân cư; tham gia tự quản trong việc giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội và vệ sinh môi trường; giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp ở địa phương, phòng chống các tệ nạn xã hội.

2. Chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước theo quyền và nghĩa vụ của công dân; thực hiện sự lãnh đạo của chi bộ thôn, khu phố, khu dân cư; tham gia hưởng ứng các phong trào, cuộc vận động do Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phát động.

3. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Trưởng khu phố, Trưởng khu dân cư. Tham gia việc bầu, bãi nhiệm thành viên Ban thanh tra nhân dân và Ban giám sát đầu tư của cộng đồng ở xã, phường, thị trấn theo quy định của pháp luật.

4. Các nội dung hoạt động của thôn, khu phố, khu dân cư theo quy định tại Điều này được thực hiện thông qua hội nghị của thôn, khu phố, khu dân cư.

Điều 6. Chế độ sinh hoạt của thôn, khu phố, khu dân cư

1. Trưởng thôn, Trưởng khu phố, Trưởng khu dân cư tổ chức buổi sinh hoạt thôn mỗi tháng một lần. Buổi họp do Trưởng thôn, Trưởng khu phố, Trưởng khu dân cư (hoặc Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố, Phó Trưởng khu dân cư) chủ trì, cử thư ký ghi biên bản.

2. Thành phần tham dự buổi sinh hoạt thôn, khu phố, khu dân cư gồm đại diện Ban công tác Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội của thôn, khu phố, khu dân cư và các Tổ trưởng, Tổ phó tổ dân cư; mời đại diện Chi bộ thôn, khu phố, khu dân cư và công an viên phụ trách, công an khu vực cùng tham dự.

3. Nội dung buổi sinh hoạt gồm: rà soát tiến độ và kết quả thực hiện nhiệm vụ của thôn, khu phố, khu dân cư và các tổ dân cư, tìm ra nguyên nhân, đề ra hướng khắc phục; thông tin kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền đối với các kiến nghị, đề xuất, phản ánh của nhân dân; đồng thời triển khai công việc của cấp trên giao, bàn biện pháp và phân công thực hiện nhiệm vụ trong tháng tới.

Điều 7. Hội nghị của thôn, khu phố, khu dân cư

1. Hội nghị thôn, khu phố, khu dân cư được tổ chức mỗi năm hai lần (thời gian vào giữa năm và cuối năm), khi cần có thể họp bất thường. Thành phần hội nghị là toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, khu phố, khu dân cư. Hội nghị do Trưởng thôn, Trưởng khu phố, Trưởng khu dân cư triệu tập và chủ trì. Hội nghị được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, khu phố, khu dân cư tham dự.

2. Việc tổ chức đề nhân dân bàn và quyết định trực tiếp hoặc biểu quyết đề cấp có thẩm quyền quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4 và Điều 5 của Hướng dẫn ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Điều 8. Điều kiện thành lập, sáp nhập, giải thể thôn, khu phố, khu dân cư

1. Điều kiện thành lập thôn mới, khu phố mới, khu dân cư mới:

a) Quy mô số hộ gia đình:

Đối với thôn, khu phố: có từ 500 hộ gia đình trở lên.

Đối với khu dân cư (huyện Côn Đảo): có từ 200 hộ gia đình trở lên.

b) Các điều kiện khác:

Thôn, khu phố và khu dân cư phải có cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động cộng đồng và ổn định cuộc sống của người dân.

2. Đối với trường hợp đặc thù:

a) Ở đảo biệt lập trên biển cách xa đất liền, do việc di dân hình thành các cụm dân cư mới để bảo vệ đường biên giới, đòi hỏi phải thành lập khu dân cư mới thì điều kiện, quy mô số hộ gia đình có thể thấp hơn quy định chung nêu trên và có ý kiến của cấp có thẩm quyền.

b) Đối với thôn, khu phố, khu dân cư đã hình thành từ lâu do xâm canh, xâm cư hoặc di dân tự do (nếu có) cần thiết phải chuyển giao quản lý giữa các đơn vị hành chính cấp xã và cơ quan có thẩm quyền để thuận tiện trong hoạt động sinh hoạt của cộng đồng dân cư mà không làm thay đổi địa giới đơn vị hành chính cấp xã thì điều kiện, quy trình, thủ tục và hồ sơ được thực hiện theo quy định như đối với việc thành lập mới và giải thể thôn, khu phố, khu dân cư; nếu không đủ quy mô quy định tại Quy chế này thì thực hiện việc ghép cụm dân cư theo quy định tại Điều 11 Quy chế này.

3. Điều kiện sáp nhập, giải thể thôn, khu phố, khu dân cư:

a) Tổ chức thực hiện việc sáp nhập các thôn, khu phố, khu dân cư có quy mô nhỏ hơn để thành lập thôn mới, khu phố mới, khu dân cư mới theo đúng điều kiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này; đồng thời việc sáp nhập cần bảo đảm các yếu tố khác như: không làm thay đổi địa giới đơn vị hành chính cấp xã; các thôn, khu phố, khu dân cư thực hiện sáp nhập có vị trí liền kề nhau, địa hình không bị chia cắt phức tạp, thuận tiện cho việc phát triển kinh tế - xã hội, sản xuất, kinh doanh và ổn định đời sống của nhân dân; được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình của các thôn, khu phố, khu dân cư liên quan nhất trí, bảo đảm hiệu quả công tác quản lý dân cư của chính quyền cơ sở và hoạt động của thôn mới, khu phố mới, khu dân cư mới. Hình thức lấy ý kiến của cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình được thực hiện theo quy định tại Điều 14 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn ngày 20 tháng 4 năm 2007 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XI.

b) Trường hợp giải thể thôn, khu phố, khu dân cư để giải phóng mặt bằng hoặc do sắp xếp, ổn định dân cư và các trường hợp khác được cấp có thẩm quyền quyết định thì việc di dân, bố trí dân cư và giải quyết các vấn đề liên quan khác được thực hiện theo phương án bồi thường, tái định cư của dự án thuộc các trường hợp thu hồi đất hoặc đề án sắp xếp, ổn định dân cư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 9. Quy trình và hồ sơ thành lập thôn mới, khu phố mới, khu dân cư mới

1. Căn cứ nguyên tắc quy định tại Điều 3 và điều kiện thành lập thôn mới, khu phố mới, khu dân cư mới tại khoản 1 Điều 8 của Quy chế này, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để trình Ủy ban nhân dân tỉnh xin chủ trương thành lập thôn mới, khu phố mới, khu dân cư mới.

Tờ trình gửi cơ quan có thẩm quyền xin chủ trương cần nêu rõ lý do, sự cần thiết thành lập thôn mới, khu phố mới, khu dân cư mới; vị trí, đặc điểm kinh tế xã hội, dự kiến diện tích, số hộ gia đình, số nhân khẩu của thôn mới, khu phố mới, khu dân cư mới.

2. Sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh có quyết định về chủ trương thành lập thôn mới, khu phố mới, Ủy ban nhân dân cấp huyện giao Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng đề án thành lập thôn mới, khu phố mới. Nội dung chủ yếu của đề án gồm:

- a) Sự cần thiết thành lập thôn mới, khu phố mới;
- b) Tên gọi của thôn mới, khu phố mới;
- c) Vị trí địa lý, ranh giới của thôn mới, khu phố mới (có sơ đồ thể hiện vị trí địa lý);
- d) Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của thôn mới, khu phố mới;
- đ) Diện tích tự nhiên của thôn mới, khu phố mới (đối với thôn phải chi tiết số liệu về diện tích đất ở, đất sản xuất), đơn vị tính là hecta;
- e) Các điều kiện khác quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 8 Quy chế này;
- g) Đề xuất, kiến nghị.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn mới, khu phố mới về đề án thành lập thôn mới, khu phố mới; tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến về đề án. Biên bản phải nêu rõ thời gian, địa điểm tổ chức lấy ý kiến; thành phần, tổng số người tham dự; số ý kiến đồng ý và không đồng ý thành lập thôn mới, khu phố mới.

4. Đề án thành lập thôn mới, khu phố mới nếu được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn mới, khu phố mới tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ (kèm theo biên bản lấy ý kiến) trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất. Trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

5. Trong thời hạn mười lăm ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm xem xét và lập tờ trình (kèm theo hồ sơ thành lập thôn mới, khu phố mới của Ủy ban nhân dân cấp xã) gửi Sở Nội vụ để thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Thời hạn thẩm định hồ sơ của Sở Nội vụ không quá mười lăm ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ trình và hồ sơ hợp lệ của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

6. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh gồm:

a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện (kèm theo tờ trình và hồ sơ thành lập thôn mới, khu phố mới của Ủy ban nhân dân cấp xã trình Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này);

b) Văn bản thẩm định của Sở Nội vụ.

7. Căn cứ vào hồ sơ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện và kết quả thẩm định của Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết thành lập thôn mới, khu phố mới. Sau khi có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định thành lập thôn mới, khu phố mới.

8. Việc thành lập khu dân cư mới ở huyện Côn Đảo: Do huyện Côn Đảo không có đơn vị hành chính cấp xã nên Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo xây dựng đề án thành lập khu dân cư mới, được áp dụng thực hiện theo quy định tại Điều này.

Điều 10. Quy trình và hồ sơ sáp nhập, chia, giải thể và đặt tên, đổi tên, xóa tên thôn, khu phố, khu dân cư

1. Quy trình và hồ sơ sáp nhập, chia thôn, khu phố hiện có để thành lập thôn mới, khu phố mới được thực hiện như quy định tại Điều 9 Quy chế này.

2. Chuyển thôn thành khu phố trong trường hợp thành lập phường, thị trấn từ đơn vị hành chính xã: căn cứ vào Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập phường, thị trấn từ đơn vị hành chính xã, Ủy ban nhân dân tỉnh lập tờ trình để Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chuyển thôn thành khu phố thuộc phường, thị trấn.

3. Đối với trường hợp giải thể thôn, khu phố:

Sau khi thực hiện phương án bồi thường, tái định cư của dự án thuộc các trường hợp thu hồi đất hoặc đề án sắp xếp, ổn định dân cư và các trường hợp khác được cấp có thẩm quyền quyết định, Ủy ban nhân dân tỉnh lập tờ trình kèm theo danh sách các thôn, khu phố liên quan trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định giải thể và xóa tên theo quy định của pháp luật.

4. Việc đặt tên, đổi tên thôn, khu phố:

a) Việc đặt tên thôn, khu phố được thực hiện trong quy trình lập hồ sơ thành lập thôn mới, khu phố mới.

b) Việc đổi tên thôn, khu phố thực hiện theo các bước như sau:

Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ gồm: tờ trình và phương án đổi tên thôn, khu phố; lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, khu phố về phương án đổi tên thôn, khu phố theo quy định tại Điều 14 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

Ủy ban nhân dân cấp xã trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua phương án đổi tên thôn, khu phố; trên cơ sở đó, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm định hồ sơ đổi tên thôn, khu phố do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến; lập tờ trình kèm theo hồ sơ gửi Sở Nội vụ thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét để trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa

phương.

5. Việc sáp nhập, chia, giải thể và đặt tên, đổi tên, xóa tên khu dân cư ở huyện Côn Đảo: Do huyện Côn Đảo không có đơn vị hành chính cấp xã nên Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo xây dựng đề án sáp nhập, chia, giải thể và đặt tên, đổi tên, xóa tên khu dân cư được áp dụng thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này.

Điều 11. Quy trình và hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố, khu dân cư hiện có

1. Đối với trường hợp ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Quy chế này thì sau khi có quyết định về chủ trương của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng đề án ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có. Nội dung chủ yếu của đề án gồm:

- a) Sự cần thiết ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có;
- b) Vị trí địa lý, ranh giới của thôn, khu phố sau khi ghép (có sơ đồ thể hiện vị trí địa lý);
- c) Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của thôn, khu phố sau khi ghép;
- d) Diện tích tự nhiên của thôn, khu phố sau khi ghép (đối với thôn phải chi tiết số liệu về diện tích đất ở, đất sản xuất), đơn vị tính là hecta;
- đ) Đề xuất, kiến nghị.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư (bao gồm cụm dân cư và thôn, khu phố hiện có) về đề án ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có; tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến về đề án.

3. Đề án ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có nếu được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ (kèm theo biên bản lấy ý kiến) trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất. Trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết của hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Trường hợp đề án chưa được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến lần thứ 2; nếu vẫn không được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày có biên bản lấy ý kiến lần thứ 2, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định.

4. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện gồm:

- a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã;
- b) Hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này.

5. Trong thời hạn mười lăm ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm xem xét, thông qua và giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành

quyết định việc ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có; đồng thời gửi quyết định việc ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có về Sở Nội vụ báo cáo.

6. Đối với khu dân cư ở huyện Côn Đảo: Do huyện Côn Đảo không có đơn vị hành chính cấp xã nên Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo xây dựng đề án ghép cụm dân cư vào khu dân cư hiện có, được áp dụng thực hiện theo quy định tại Điều này.

Chương III

TIÊU CHUẨN, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI TRƯỞNG THÔN, TRƯỞNG KHU PHỐ, TRƯỞNG KHU DÂN CƯ VÀ PHÓ TRƯỞNG THÔN, PHÓ TRƯỞNG KHU PHỐ, PHÓ TRƯỞNG KHU DÂN CƯ

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Trưởng khu phố, Trưởng khu dân cư

1. Nhiệm vụ:

a) Triệu tập và chủ trì hội nghị thôn, khu phố, khu dân cư; tổ chức thực hiện những công việc thuộc phạm vi thôn, khu phố, khu dân cư đã được nhân dân bàn và quyết định; bảo đảm các nội dung hoạt động của thôn, khu phố, khu dân cư theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này. Vận động, tổ chức nhân dân thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở và hương ước, quy ước của thôn, khu phố, khu dân cư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tập hợp, phản ánh, đề nghị chính quyền cấp xã và cơ quan có thẩm quyền giải quyết những kiến nghị, nguyện vọng chính đáng của nhân dân trong thôn, khu phố, khu dân cư. Báo cáo kịp thời với Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan có thẩm quyền về những hành vi vi phạm pháp luật trong thôn, khu phố, khu dân cư. Thực hiện việc lập biên bản về kết quả đã được nhân dân thôn, khu phố, khu dân cư bàn và quyết định trực tiếp những công việc của thôn, khu phố, khu dân cư; lập biên bản về kết quả đã được nhân dân thôn, khu phố, khu dân cư bàn và biểu quyết những công việc thuộc phạm vi cấp xã; báo cáo kết quả cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan có thẩm quyền.

b) Phối hợp với Ban công tác Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, khu phố, khu dân cư để vận động nhân dân tham gia thực hiện các phong trào và cuộc vận động do các tổ chức này phát động.

c) Sáu tháng đầu năm và cuối năm phải báo cáo kết quả công tác trước hội nghị thôn, khu phố, khu dân cư.

2. Quyền hạn:

a) Được ký hợp đồng về xây dựng công trình do nhân dân trong thôn, khu phố, khu dân cư đóng góp kinh phí đầu tư đã được hội nghị thôn, khu phố, khu dân cư thông qua và bảo đảm các quy định liên quan của chính quyền các cấp.

b) Được phân công nhiệm vụ và quyền hạn giải quyết công việc của Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố, Phó Trưởng khu dân cư; được chính quyền cấp xã và cơ quan có thẩm quyền mời họp; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến

quản lý, hoạt động của thôn, khu phố, khu dân cư; được bồi dưỡng, tập huấn về công tác tổ chức và hoạt động của thôn, khu phố, khu dân cư.

Điều 13. Tiêu chuẩn Trưởng thôn, Trưởng khu phố, Trưởng khu dân cư và Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố, Phó Trưởng khu dân cư

Trưởng thôn, Trưởng khu phố, Trưởng khu dân cư và Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố, Phó Trưởng khu dân cư phải là người có hộ khẩu thường trú và cư trú thường xuyên ở thôn, khu phố, khu dân cư (trường hợp đặc biệt giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định); đủ 21 tuổi trở lên, có sức khỏe, nhiệt tình và có tinh thần trách nhiệm trong công tác; có phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức tốt, được nhân dân tín nhiệm; bản thân và gia đình gương mẫu thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương; có kiến thức văn hóa, năng lực, kinh nghiệm và phương pháp vận động, tổ chức nhân dân thực hiện tốt các công việc tự quản của cộng đồng dân cư và công việc cấp trên giao.

Điều 14. Chế độ, chính sách đối với Trưởng thôn, Trưởng khu phố, Trưởng khu dân cư và Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố, Phó Trưởng khu dân cư

1. Trưởng thôn, Trưởng khu phố, Trưởng khu dân cư được hưởng phụ cấp hàng tháng; Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố, Phó Trưởng khu dân cư được hưởng trợ cấp hàng tháng; mức phụ cấp và trợ cấp do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Trưởng thôn, Trưởng khu phố, Trưởng khu dân cư và Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố, Phó Trưởng khu dân cư được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn những kiến thức, kỹ năng cần thiết; nếu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thì được biểu dương khen thưởng; không hoàn thành nhiệm vụ, có vi phạm khuyết điểm, không được nhân dân tín nhiệm thì tùy theo mức độ sai phạm sẽ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Chương IV

QUY TRÌNH BẦU, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM TRƯỞNG THÔN, TRƯỞNG KHU PHỐ, TRƯỞNG KHU DÂN CƯ VÀ PHÓ TRƯỞNG THÔN, PHÓ TRƯỞNG KHU PHỐ, PHÓ TRƯỞNG KHU DÂN CƯ

Điều 15. Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Trưởng khu phố và Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố

1. Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Trưởng khu phố:

a) Trên cơ sở thống nhất với Chi ủy chi bộ, Ban công tác Mặt trận thôn, khu phố đề cử danh sách để hội nghị của thôn, khu phố bầu Trưởng thôn, Trưởng khu phố; tại hội nghị này, cử tri có thể tự ứng cử hoặc giới thiệu người ứng cử. Căn cứ kết quả bầu cử, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận Trưởng thôn, Trưởng khu phố.

b) Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Trưởng khu phố thực hiện theo quy định tại Chương 2 Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung

ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

2. Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố:

a) Việc bầu Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố tổ chức kết hợp tại hội nghị thôn, khu phố do Trưởng thôn, Trưởng khu phố giới thiệu và lấy ý kiến tại hội nghị với sự tham dự của Ban công tác Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội của thôn, khu phố; sau khi thống nhất thì đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận.

b) Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố vì do sức khỏe, do hoàn cảnh gia đình, không còn được nhân dân tín nhiệm, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, tham nhũng, lãng phí, không phục tùng sự chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân cấp xã vi phạm pháp luật và các quy định của cấp trên hoặc vì lý do khác thì được miễn nhiệm, bãi nhiệm (thành phần và quy trình thực hiện như hội nghị bầu chọn Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều này).

c) Trong trường hợp khuyết Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố giữa nhiệm kỳ thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ định Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố để tham gia điều hành hoạt động của thôn, khu phố.

3. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Trưởng khu phố và Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố:

a) Trưởng thôn, Trưởng khu phố có nhiệm kỳ là năm năm. Trường hợp do thành lập thôn mới, khu phố mới hoặc khuyết Trưởng thôn, Trưởng khu phố thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, khu phố cho đến khi cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình của thôn, khu phố bầu được Trưởng thôn, Trưởng khu phố trong thời hạn không quá sáu tháng kể từ ngày có quyết định cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố lâm thời.

b) Nhiệm kỳ của Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố, thực hiện theo nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Trưởng khu phố.

Điều 16. Tổ chức bầu cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố khi tổ chức thành cuộc bầu cử riêng

1. Công tác chuẩn bị bầu cử:

a) Chậm nhất hai mươi ngày trước ngày bầu cử, Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công bố ngày, giờ, địa điểm tổ chức bầu cử, thể lệ bầu cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố; phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp xây dựng kế hoạch, hướng dẫn nghiệp vụ và tổ chức triển khai kế hoạch bầu cử.

b) Chậm nhất mười lăm ngày trước ngày bầu cử, Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, khu phố tổ chức hội nghị Ban công tác dự kiến danh sách người ứng cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố; báo cáo với Chi ủy chi bộ thôn, khu phố để thống nhất danh sách người ra ứng cử (từ 1-2 người).

c) Chậm nhất mười ngày trước ngày bầu cử, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định thành lập Tổ bầu cử (gồm Tổ trưởng là Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, khu phố; thư ký và các thành viên khác là đại diện một số tổ chức, chính trị - xã hội và đại diện cử tri thôn, khu phố); quyết định về nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ bầu cử; quyết định thành phần cử tri (là toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình) tham gia bầu cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố. Các quyết định này phải được thông báo đến nhân dân ở thôn, khu phố chậm nhất bảy ngày trước ngày bầu cử.

d) Cử tri trong thôn, khu phố có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định có quyền tự ứng cử hoặc giới thiệu người có đủ điều kiện ứng cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố. Đơn ứng cử hoặc giới thiệu người ứng cử phải cung cấp đầy đủ thông tin về họ tên, năm sinh, nghề nghiệp, nơi cư trú, trình độ học vấn theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp xã và gửi cho Tổ bầu cử chậm nhất là năm ngày trước ngày bầu cử.

đ) Chậm nhất là ba ngày trước ngày bầu cử, Tổ bầu cử thống nhất với Ban công tác Mặt trận thôn, khu phố ấn định danh sách những người ứng cử. Danh sách niêm yết tại địa điểm bỏ phiếu và những nơi công cộng trong thôn, khu phố chậm nhất là hai ngày trước ngày bầu cử.

e) Danh sách cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình bầu cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố do Ủy ban nhân dân cấp xã lập hoặc phê duyệt theo danh sách do Tổ bầu cử hoặc Ban công tác Mặt trận thôn, khu phố lập, được niêm yết tại địa điểm bỏ phiếu và những nơi công cộng trong thôn, khu phố chậm nhất là hai mươi bốn giờ trước ngày bầu cử.

g) Việc bổ sung, sửa đổi những sai sót trong danh sách những người ứng cử và danh sách cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình chỉ được thực hiện trước khi Tổ trưởng Tổ bầu cử tuyên bố bắt đầu việc bỏ phiếu và phải được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.

h) Việc bầu cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố được thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu kín. Tổ bầu cử chịu trách nhiệm chuẩn bị đủ phiếu bầu theo mẫu quy định của Ủy ban nhân dân cấp xã trước khi khai mạc cuộc bỏ phiếu. Tổ bầu cử phải niêm yết quy định về phiếu bầu hợp lệ, phiếu không hợp lệ tại khu vực bỏ phiếu và liên tục hướng dẫn để cử tri biết trong thời gian diễn ra bầu cử.

Trường hợp nếu phiếu bầu chỉ ghi tên 01 người ứng cử thì phiếu gạch tên và phiếu không gạch tên người ứng cử đều là phiếu hợp lệ.

2. Tổ chức bầu cử:

a) Thời điểm bắt đầu và kết thúc cuộc bỏ phiếu do Tổ bầu cử quyết định nhưng không được bắt đầu sớm hơn và kết thúc muộn hơn thời gian theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp xã nêu tại điểm a, khoản 1 Điều này.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc bỏ phiếu sớm hơn ngày quy định, hoãn ngày bỏ phiếu, tiếp tục hay không tiếp tục cuộc bỏ phiếu khi bị gián đoạn (trong trường hợp thật sự cần thiết).

c) Cuộc bỏ phiếu bầu cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố thực hiện theo trình tự sau đây:

Tổ trưởng Tổ bầu cử đọc quyết định công bố ngày tổ chức bầu cử; quyết định thành lập Tổ bầu cử, nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ bầu cử; quyết định thành phần cử tri tham gia bầu cử; tiêu chuẩn của Trưởng thôn, Trưởng khu phố.

Đại diện Ban công tác Mặt trận thôn, khu phố giới thiệu danh sách những người ứng cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố nêu tại điểm đ, khoản 1 Điều này.

Tổ bầu cử cử đại diện kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của cử tri.

Tổ trưởng Tổ bầu cử tuyên bố bắt đầu việc bỏ phiếu.

Việc bỏ phiếu phải được tiến hành liên tục. Trong trường hợp có sự kiện bất ngờ làm gián đoạn việc bỏ phiếu thì Tổ trưởng Tổ bầu cử phải lập tức niêm phong thùng phiếu và giấy tờ liên quan, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã biết, xử lý.

d) Việc lập biên bản kiểm phiếu, báo cáo kết quả người trúng cử, bầu cử lại, cử chức danh lâm thời, công nhận kết quả bầu cử được thực hiện theo quy định tại điểm e và điểm g khoản 2, khoản 3 Điều 8 và Điều 9 của Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

Điều 17. Kinh phí tổ chức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Trưởng khu phố và Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố

Kinh phí tổ chức bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Trưởng thôn, Trưởng khu phố, và Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố do ngân sách cấp xã đảm bảo.

Điều 18. Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng khu dân cư, Phó Trưởng khu dân cư tại huyện Côn Đảo

a) Do huyện Côn Đảo không có đơn vị hành chính cấp xã nên Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo hướng dẫn quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng khu dân cư, Phó Trưởng khu dân cư được áp dụng thực hiện theo quy định tại Chương IV của Quy chế này.

Trưởng khu dân cư có nhiệm kỳ là năm năm, nhiệm kỳ của Phó Trưởng khu dân cư thực hiện theo nhiệm kỳ của Trưởng khu dân cư.

b) Kinh phí tổ chức bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Trưởng khu dân cư, Phó Trưởng khu dân cư do ngân sách huyện đảm bảo.

Chương V

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ DÂN CƯ

Điều 19. Tổ chức tổ dân cư

1. Tổ dân cư được đặt tên gọi là Tổ số 1, 2, 3 đến hết số Tổ trong một thôn, khu phố.

2. Tổ dân cư có Tổ trưởng và Tổ phó do đại diện các hộ dân trong Tổ bầu. Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp hướng dẫn Trưởng thôn, Trưởng khu phố phối hợp với Ban Công tác Mặt trận tổ chức việc bầu Tổ trưởng, Tổ phó Tổ dân cư.

Điều 20. Hoạt động của Tổ dân cư

1. Nguyên tắc hoạt động của Tổ dân cư:

a) Hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự giác, tự quản nhằm tập hợp nhân dân vào tổ chức, phát huy sức mạnh cộng đồng trong tham gia xây dựng nông thôn mới, xây dựng đô thị văn minh, trên tinh thần “huy động sức dân chăm lo cuộc sống cho dân”.

b) Hoạt động theo Quy chế và các quy định của pháp luật.

2. Nội dung hoạt động của Tổ dân cư:

a) Tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân trong Tổ chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ công dân và Quy ước thôn, khu phố (nếu có); tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước, cuộc vận động do Trung ương, tỉnh và địa phương phát động.

b) Vận động giúp nhau khi có thành viên trong Tổ gặp khó khăn, hoạn nạn.

c) Tự quản giúp nhau xây dựng hộ gia đình đạt tiêu chuẩn: “An toàn về an ninh, trật tự”, “Gia đình văn hóa”, “Gia đình hiếu học”; vận động các thành viên trong Tổ tham gia, quản lý nhân khẩu, thông báo khi có người đăng ký lưu trú, quản lý giáo dục, giám sát người có tiền án, tiền sự hoặc có hành vi vi phạm pháp luật khác; phát hiện tố giác người có lệnh truy nã, người có biểu hiện hoạt động phạm tội, các tụ điểm tệ nạn xã hội, người lạ mặt xuất hiện trong Tổ; kịp thời hòa giải các mâu thuẫn phát sinh trong Tổ.

d) Vận động người dân tự giác giữ gìn vệ sinh chung, không gây ô nhiễm môi trường, gây mất mỹ quan đường phố trong Tổ và khu dân cư. Thực hiện tốt các công việc của Tổ và các chủ trương, kế hoạch của địa phương.

đ) Xây dựng biện pháp tổ chức thực hiện nhiệm vụ của Tổ dân cư trên cơ sở kế hoạch cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

Điều 21. Thời gian, nội dung sinh hoạt Tổ dân cư

1. Thời gian: Tùy tình hình, đặc điểm của từng Tổ dân cư mà quy định thời gian sinh hoạt cho phù hợp, bảo đảm sinh hoạt ít nhất 02 lần/quý. Ngoài ra, sinh hoạt đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc thôn, khu phố.

2. Nội dung sinh hoạt:

a) Báo cáo tóm tắt tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội và các vấn đề liên quan trong tháng của Tổ dân cư và đề ra phương hướng tháng tới.

b) Báo cáo tóm tắt tình hình thực hiện 5 nội dung cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.

c) Phổ biến các văn bản, chỉ đạo của cấp trên, các dự án, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của cấp huyện; của cấp xã và của thôn, khu phố.

d) Thảo luận, đánh giá tình hình nhân dân, tâm tư, nguyện vọng, những bức xúc, kiến nghị của nhân dân trong Tổ (nếu có), phản ánh kịp thời với thôn, khu phố có biện pháp phù hợp để vận động, kiến nghị cấp thẩm quyền giải quyết.

đ) Báo cáo tình hình thực hiện Quy ước thôn, khu phố (nếu có).

e) Những nội dung sinh hoạt khác do Tổ trưởng Tổ dân cư quyết định, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế của Tổ cũng như quy định của pháp luật.

3. Thông tin, báo cáo:

Nội dung các buổi sinh hoạt Tổ dân cư được ghi thành biên bản. Định kỳ mỗi quý Tổ dân cư gửi báo cáo tình hình hoạt động của Tổ về thôn, khu phố.

Điều 22. Tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn và quyền lợi của Tổ trưởng, Tổ phó Tổ dân cư

1. Tiêu chuẩn của Tổ trưởng, Tổ phó Tổ dân cư:

Tổ trưởng, Tổ phó Tổ dân cư phải là người thường trú tại Tổ dân cư, tự nguyện tham gia hoặc được tổ chức cử tham gia, nhiệt tình với công việc chung, trung thực, thẳng thắn, được đa số nhân dân tín nhiệm, biết chăm lo đời sống cho dân, có năng lực điều hành các buổi họp dân, bản thân và gia đình chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Tổ trưởng, Tổ phó Tổ dân cư có những nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Gắn gũi nhân dân trong Tổ dân cư, nắm chắc tình hình tâm tư, nguyện vọng của nhân dân; thông tin kịp thời và vận động nhân dân thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

b) Vận động nhân dân bảo vệ tài sản công cộng trên địa bàn, thực hiện các quy định về đăng ký thường trú, tạm trú, tạm vắng, biến động nhân khẩu, cảnh giác phát hiện các hành vi phạm pháp về hình sự cũng như về chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

c) Vận động nhân dân tự nguyện tham gia các phong trào thi đua của địa phương, tích cực đóng góp quỹ an ninh quốc phòng, lao động công ích, vận động thanh niên thực hiện nghĩa vụ quân sự.

d) Vận động nêu cao tinh thần tương thân, tương ái, cùng nhau xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa mới, xây dựng mối quan hệ láng giềng, đoàn kết tương trợ trong cuộc sống.

đ) Tham gia cùng Tổ hòa giải cơ sở để hòa giải các mâu thuẫn phát sinh giữa nhân dân trong Tổ.

e) Thực hiện việc xác nhận các loại giấy tờ có liên quan thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

g) Tổ trưởng, Tổ phó Tổ dân cư thường xuyên trao đổi công việc của Tổ ít nhất 01 lần/tháng. Tổ dân cư họp đại diện các hộ gia đình ít nhất 02 lần/quý. Trong trường hợp cần thiết họp các hộ gia đình đột xuất do Tổ trưởng quyết định hoặc do yêu cầu chỉ đạo của thôn, khu phố, Ủy ban nhân dân cấp xã.

h) Tổ phó Tổ dân cư là người giúp việc Tổ trưởng, thay mặt Tổ trưởng chủ trì các buổi họp của Tổ và điều hành công việc của Tổ khi Tổ trưởng vắng mặt.

Điều 23. Quy trình bầu chọn Tổ trưởng, Tổ phó Tổ dân cư

1. Trưởng thôn, Trưởng khu phố giới thiệu Tổ trưởng, Tổ phó Tổ dân cư và thông qua các bước sau:

a) Nhân sự phải thông qua và được sự nhất trí của Chi ủy Chi bộ thôn, khu phố.

b) Trưởng thôn, Trưởng khu phố phối hợp với Ban công tác Mặt trận chủ trì Hội nghị bầu chọn Tổ trưởng, Tổ phó Tổ dân cư.

c) Hội nghị bầu chọn Tổ trưởng, Tổ phó Tổ dân cư phải có đại diện trên 50% số hộ dân trong Tổ tham dự. Hội nghị giới thiệu Thư ký ghi biên bản, thành phần tham dự Hội nghị là đại diện hộ gia đình trong Tổ dân cư. Tại Hội nghị, người chủ trì Hội nghị đọc tóm tắt tiểu sử của người được đề nghị bầu chọn làm Tổ trưởng, Tổ phó Tổ dân cư và lấy phiếu tín nhiệm (bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết giơ tay), nếu có trên 50% số đại biểu được mời dự Hội nghị tín nhiệm thì Trưởng thôn, Trưởng khu phố làm Tờ trình và có biên bản kèm theo trình Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét công nhận.

2. Trường hợp Tổ trưởng, Tổ phó Tổ dân cư không còn tín nhiệm, không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm pháp luật thì Trưởng thôn, Trưởng khu phố phối hợp với Trưởng Ban Công tác Mặt trận thôn, khu phố chủ trì tổ chức Hội nghị miễn nhiệm, bãi nhiệm (thành phần và quy trình thực hiện như Hội nghị bầu chọn Tổ trưởng, Tổ phó Tổ dân cư quy định tại khoản 1 Điều này).

Điều 24. Quy trình thành lập Tổ dân cư

1. Quy mô Tổ dân cư:

a) Quy mô Tổ dân cư ở các thôn, ấp (đối với xã), tổ dân cư ở khu dân cư (đối với huyện Côn Đảo): từ 40 hộ trở lên.

b) Quy mô tổ dân cư ở các khu phố (đối với phường, thị trấn): từ 50 hộ trở lên.

c) Các trường hợp Tổ dân cư có quy mô nhỏ hơn quy mô nêu trên: Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng phương án trình Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định sau khi có ý kiến phê duyệt phương án thành lập Tổ dân cư của Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án thành lập Tổ dân cư đối với các Tổ dân cư có quy mô nhỏ.

2. Quy trình thành lập Tổ dân cư:

a) Tổ chức họp dân trong Tổ dân cư dự kiến thành lập để lấy ý kiến của cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, khu phố tham dự về dự kiến thành lập Tổ dân cư.

b) Cuộc họp do Trưởng thôn, Trưởng khu phố triệu tập và chủ trì, có sự tham gia của Chi bộ, đại diện các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, khu phố; Biên bản cuộc họp phải ghi rõ thời gian, địa điểm tổ chức lấy ý kiến; thành phần, tổng số cử tri tham dự; số ý kiến đồng ý và không đồng ý về việc thành lập Tổ dân cư mới.

c) Nếu có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, khu phố tham dự đồng ý; Trưởng thôn, Trưởng khu phố đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định.

d) Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét ra quyết định thành lập Tổ dân cư; đồng thời gửi Phòng Nội vụ các huyện, thị xã, thành phố theo dõi, quản lý theo quy định.

Điều 25. Kinh phí hoạt động

Kinh phí hoạt động của Tổ dân cư: được thực hiện theo Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định định mức hoạt động phí của tổ dân cư trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (khi Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh định mức hoạt động phí của tổ dân cư thì được điều chỉnh theo quy định).

Điều 26. Tổ dân cư trên địa bàn huyện Côn Đảo

1. Thực hiện theo quy định tại Chương V của Quy chế này.
2. Về thẩm quyền thành lập; công nhận Tổ trưởng, Tổ phó do Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo thực hiện.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 27. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với việc áp dụng nhiệm kỳ cho Trưởng thôn, Trưởng khu phố, Trưởng khu dân cư (thay thế cho nhiệm kỳ hai năm rưỡi đang áp dụng hiện nay trên toàn tỉnh) thì tiếp tục kéo dài nhiệm kỳ hiện tại cho đủ năm năm; sau đó mới tiến hành tổ chức bầu cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố, Trưởng khu dân cư nhiệm kỳ mới theo quy định tại Quy chế này.

Điều 28. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc thực hiện Quy chế

1. Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Quy chế này.
2. Giám đốc Sở Tài chính: Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại Quy chế này theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước hiện hành.
3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này và hàng năm tổng kết đánh giá hoạt động của thôn, ấp, khu phố, khu dân cư, tổ dân cư báo cáo các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.
4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh triển khai Quy chế này đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các xã, phường, thị trấn để phối hợp tổ chức thực hiện.
5. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có văn bản phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Trình